

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Phú

Ông Trương Quang Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 26/9/2023 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn, xã L, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn, xã L, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19/4/2023 và qua quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày:

- Về tình cảm:

Anh và chị Nguyễn Thị N có đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2005 tại UBND tại UBND xã L, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau một thời gian phát sinh mâu thuẫn, do kinh tế gia đình khó khăn, vợ không chịu làm ăn đua đòi, khoảng năm 2017 đi theo người đàn ông khác, bỏ lại 3 đứa con cho anh nuôi dưỡng, trong lúc đứa nhỏ mới học mẫu giáo, đến nay không ai qua tâm ai. Mong Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn.

- Về nuôi con chung: Theo anh Đ trình bày anh và chị N có 03 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 30/8/2005, Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 09/9/2009 và Nguyễn Trung Th, sinh ngày 03/5/2012. Từ khi vợ chồng ly thân 3 cháu ở cùng anh

Đ, nguyện vọng anh xin được nuôi 3 cháu, yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng một tháng.

- Về chia tài sản: Anh Đ trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị Nhon nhiều lần nhưng chị không có mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Đức có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết việc xin ly hôn giữa anh và chị N, chị N có địa chỉ cư trú tại xã L, thành phố Đồng Hới. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh, chị theo quy định của pháp luật. Anh Đ có mặt, chị N dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt Tòa án lập biên bản không hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên tòa lần thứ hai chị N tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị N có đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện vào ngày 13/01/2005 tại UBND xã L, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, theo giấy đăng ký kết hôn số 4, quyển số 01, việc kết hôn của anh, chị đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân giữa chị và anh là hợp pháp. Tại phiên toà anh Đ xác định tình cảm của anh đối với chị N không còn, sống không có hạnh phúc, xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm của chị và anh ngày càng lạnh nhạt, hiện nay chị làm nghề thu mua phế liệu trong thành phố Đồng Hới, tối chị vẫn ở nhà trọ cách nhà không xa, anh đã hai lần giao giấy triệu tập cho chị N nhưng chị không đến Tòa án, khi Tòa án triệu tập cũng không chấp hành đến Tòa án để giải quyết ly hôn anh, chị đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Qua nghị án Hội đồng xét xử xét thấy chị và anh có nhiều mâu thuẫn, sống không hợp tính, sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai, ai tự lo cuộc sống riêng cho mình. Xác định được tình trạng hôn nhân của chị và anh không thể khắc phục được, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xử cho anh Đ được ly hôn chị N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con chung: Theo anh Đ trình bày anh và chị N có 03 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 30/8/2005, Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 09/9/2009 và Nguyễn Trung Th, sinh ngày 03/5/2012.

Hiện cháu T đến tháng 8/2023 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Xét điều kiện của hai bên thấy rằng nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau ly hôn là nguyện vọng chính đáng, thể hiện tình cảm trách nhiệm của cha mẹ đối với con, cả hai bên đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét đến mọi mặt và quyền lợi của con, hạn chế thấp nhất những mất mát tình cảm không đáng có. Hiện cháu còn nhỏ, cần sự quan tâm săn sóc của người mẹ hơn nhưng chị N bỏ nhà ra ở riêng bỏ lại 3 con cho anh Đ nuôi dưỡng từ lâu, trong thời gian ly thân đến nay anh Đ là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con bảo đảm tốt về mọi mặt. Tại phiên tòa chị N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án chị không có mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận nguyện vọng của anh Đ để giao con cho anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng. Về tiền cấp dưỡng nuôi con anh Đ yêu cầu chị N đóng góp mỗi tháng 2.000.000 đồng một tháng, chị N không có ý kiến nên HĐXX buộc chị N đóng góp tiền nuôi con 2.000.000 đồng một tháng, kể từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về chia tài sản: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14.

Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

Chị N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ 300.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

2. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho ly hôn giữa anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị N.

3. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 09/9/2009 và cháu Nguyễn Trung Th, sinh ngày 03/5/2012 cho anh Nguyễn Minh Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với anh Đ 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu một tháng) kể từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 30/8/2005 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét giải quyết giao cháu cho anh Đ hay chị N nuôi dưỡng.

4. Về chia tài sản: anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

- Anh Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chi đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001544 ngày 30/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp bản án thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 26/9/2023, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã L,
- thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc